TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 171/2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 247/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 06, ngõ 142, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

- Anh Phạm Hồng T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 75, đường H, cụm T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Hồng T kết hôn ngày 12/7/2005 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị M và anh T chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi, xô xát. Chị M và anh T đã ly thân được 6 năm, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20/7/2020, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị M và anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T là tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được công nhận.

[2] Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung là Phạm Ngọc Thùy L - sinh ngày 30/12/2005 và Phạm Hoài N – sinh ngày 28/3/2008. Sau khi ly hôn, chị M và anh T thỏa thuận: chị M tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn của chị M và anh T là tự nguyện, phù hợp với Điều 81,82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được công nhận

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị M và anh T đều xác định không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản; không có yêu cầu gì nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị M và anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nên mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí Tòa án là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Hồng T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị M nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc Thùy L - sinh ngày 30/12/2005, anh Phạm Hồng T nuôi dưỡng cháu Phạm Hoài N – sinh ngày 28/3/2008. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị M và anh T mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị M và anh T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001395 ngày 06/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị M và anh T đã thi hành xong lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSNDTP B;
- UBND P.L, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương Giang